

Bản án số: 62/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phương Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Minh Sinh.

Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết H (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 11, khu H, thị trấn L, huyện L, Đồng Nai.

2. Bị đơn: Vu Khai T, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 04/9/2019 và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vu Khai T quen biết và có kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/01/2014. Sau khi kết hôn, do khoảng cách xa xôi, không sống chung nhiều với nhau nên phát sinh mâu thuẫn, không tìm thấy được sự đồng cảm nên hiện nay không còn tình cảm, gần như không còn liên lạc với nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết cho được ly hôn với ông Vu Khai T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Do con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên bà Trần Thị Tuyết H không yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết.

- Tại Đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Vu Khai T trình bày:

Ông Vu Khai T được biết vợ là bà Trần Thị Tuyết H đang tiến hành làm thủ tục để xin ly hôn ông ra Tòa án tại Việt Nam . Do ông đang ở Hoa Kỳ và không có điều kiện để đến Tòa án theo giấy triệu tập để giải quyết việc ly hôn. Về nội dung, ý kiến của việc ly hôn , ông đã có đơn nộp cho Tòa án tường trình về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung giữa ông và bà Trần Tuyết H. Chính vì vậy, nay ông làm đơn đề nghị Quý Tòa cho phép vắng mặt trong tất cả buổi làm việc , hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ, mở phiên xử việc ly hôn giữa ông và bà Trần Thị Tuyết H . Việc đề nghị được vắng mặt này là do ông hoàn toàn tự nguyện , không ai ép buộc và cam kết không thắc mắc , khiếu nại về việc Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án mà vắng mặt ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về thẩm quyền giải quyết: bà Trần Thị Tuyết H có nơi cư trú tại tổ 11, khu H, thị trấn L, huyện L, Đồng Nai. Vu Khai T có quốc tịch Hoa Kỳ nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 2 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: bà Trần Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết cho ly hôn với ông Vu Khai T, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Xin ly hôn” là phù hợp.

- Về tư cách đương sự trong vụ án: bà Trần Thị Tuyết H là người khởi kiện xin ly hôn với ông Vu Khai T do đó Tòa án xác định bà H là nguyên đơn, ông T là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thụ lý vụ án: ngày 25/9/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án và ban hành thông báo thụ lý, gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng: thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ: thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: đúng thời gian theo quy định tại khoản 2, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS và bị đơn có ý kiến và được hợp thức hóa lãnh sự theo đúng quy định. Tòa án tỉnh Đồng Nai đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 228 BLTTDS năm 2015.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Quan hệ hôn nhân giữa Trần Thị Tuyết H và anh Vu Khi T là quan hệ hôn nhân hợp pháp do anh chị tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Đồng Nai nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Nhưng sau khi kết hôn do khoảng cách xa xôi, không sống chung nhiều với nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm thấy sự đồng cảm nên hiện nay không còn tình cảm. Giữa chị H và anh T gần như không còn liên lạc với nhau. Sau khi thụ lý Tòa án đã tổng đạt được yêu cầu ly hôn của chị H cho ông T và ông T đã nhận được các Thông báo của Tòa án, nhưng có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, không tham gia xét xử. Điều đó, cho thấy anh T cũng không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng. Xét thấy hai đương sự sống xa cách nhau về mặt địa lý, ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân khó có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chưa có lời khai của anh Trieu nên chưa xác định được, nên không tiến hành giải quyết mà tách ra giải quyết riêng khi các bên có yêu cầu.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 9, Điều 10 Luật HNGĐ năm 2000, Điều 51, 56, Điều 121, 122, Điều 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết H.

Bà Trần Thị Tuyết H phải nộp án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Trần Thị Tuyết H và ông Vu Khai T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa sơ thẩm xét xử vắng mặt bà Trần Thị Tuyết H và ông Vu Khai T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Tuyết H và ông Vu Khai T quen biết và có kết hôn, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/01/2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, do khoảng cách xa xôi, không sống chung nhiều với nhau nên phát sinh mâu thuẫn, không tìm thấy được sự đồng cảm nên hiện nay không còn tình cảm, gần như không còn liên lạc với nhau.

Xét thấy hai đương sự sống xa cách nhau về mặt địa lý, ít liên lạc với nhau, cuộc sống hôn nhân khó có khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết H đối với ông Vu Khai T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết H trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết, ông Vũ Khai T không có ý kiến nên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai thu số 0003508 ngày 04/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà Trần Thị Tuyết H phải nộp.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 122 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết H . Bà Trần Thị Tuyết H được ly hôn với ông Vu Khai Trieu.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Tuyết H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà Trần Thị Tuyết H đã nộp theo biên lai thu số 0003508 ngày 04/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà Trần Thị Tuyết H phải nộp.

3. Bà Trần Thị Tuyết H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Vu Khai T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
-Đại sứ qu án nước Công hòa
XHCN Việt Nam tại Hoa Kỳ;
-Các đương sự;
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Đông